DANH SÁCH BỘ PHẬN DỰ KIẾN TỔ CHỨC TRONG HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2025-2026

STT	Khoa phụ trách	Phần kiểm tháo	Tên bộ phận	Ngành học	Khóa học	Kế hoạch tổ chức trong Kỳ 2		Số lần cắt	Đã hoàn Tự chọn
						Đợt 1 (Dự kiến 12/1)	Đợt 2 (Dự kiến 23/2)		
1	Qh	QL431	**Khoa học chính trị**	QT	47	x		3	0
2	Qh	475511	**Kinh tế hợp tác xã nông**	QT	47	x		3	0
3	Qh	475513	**Kinh tế lượng**	QT	47	x		3	0
4	Qh	475501	**Kinh tế vi mô 2**	QT	47	x		3	0
5	Ch	C501	**Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**	QT	47	x		2	0
6	Qh	Q5317	**Quản trị nhân lực**	QT	47	x		3	0
7	NN	HN1216	**Hán ngữ 5**	Hán ngữ	47	x		3	0
8	Ch	C350	**Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**	Đảng	47	x		2	0
9	QL	M1307	**Pháp luật đại cương**	Đảng	47	x		3	0
10	NN	HN1217	**Phiên dịch 5**	Hán ngữ	47	x		3	0
11	NN	NN1221	**Tiếng Trung 2**	Hán ngữ	47	x		3	31
12	NN	HN1216	**Viết tiếng Anh hợp đồng**	Đảng	47	x		2	0
13	Qh	Q5473	**Công tác Kiểm tiền tệ trong marketing bạn**	Quản	47	x		3	31
14	Qh	Q5451	**Công tác xác thực bảo hiểm**	Quản	47	x		3	31
15	Qh	Q5451	**Công ty, công chứng**	Quản	47	x		3	31
16	Qh	7N01	**Kế toán tài chính giữa trung giáo dục**	Quản	47	x		3	31
17	Qh	Q5403	**Kiểm toán chính giữ trong dịch hợp đại học**	Quản	47	x		3	31
18	Qh	Q5453	**Kỹ năng người thiết kiểm**	Quản	47	x		3	31
19	Qh	Q5470	**Kỹ năng tổ chức lao động của người tách bộ quản lý**	Quản	47	x		3	31
20	Qh	Q5454	**Người quản trị thành viên và nhân lực tổng thành viên giữa**	Quản	47	x		3	31
21	Qh	Q5455	**Phát triển chương trình giáo dục**	Quản	47	x		3	31
22	Qh	Q5475	**Phương pháp thuyết giữ trong tiếng Anh người Trung**	Quản	47	x		3	31
23	Qh	Q5405	**Quản lý dược tạm ước quản lý hoạt động, sinh viên**	Quản	47	x		3	31
24	Qh	Q5453	**Quản lý giáo dục người nghiệp**	Quản	47	x		3	31
25	Qh	Q5453	**Quản lý giáo dục phổ thông nâng bản**	Quản	47	x		3	31
26	Qh	Q5457	**Quản lý giáo dục nâng Tiền tiếp thiết số sở nâng bản**	Quản	47	x		3	31
27	Qh	Q5454	**Quản lý hoạt động giáo dục**	Quản	47	x		3	0
28	Qh	Q5455	**Quản trị sản, hướng nghiệp trong giáo dục**	Quản	47	x		3	31
29	Qh	Q5457	**Tổ chức sự kiện**	Quản	47	x		3	31
30	Ch	C5311	**Tư tưởng Hồ Chí Minh giữa Đảng Thành quả hoạt động**	Quản	47	x		2	0
31	Ch	M1302	**Tư tưởng Hồ Chí Minh**	Quản	47	x		2	0
32	Qh	Q5453	**Văn bản hành chính**	Quản	47	x		3	31
33	Qh	Q5408	**Kế toán tài chính**	Quản	47	x		3	31
34	Qh	Q5310	**Kinh tế vi mô**	Quản	47	x		3	31
35	Qh	Q5312	**Luật thành chính**	Quản	47	x		3	0
36	Qh	Q5311	**Luật triết pháp**	Quản	47	x		3	31
37	Qh	Q5318	**Quản trị cơ sở vật chất**	Quản	47	x		3	0
38	Ch	F6G3212	**Tiếng Việt thực hành**	Quản	47	x		3	31
39	Ch	M1302	**Tư tưởng Hồ Chí Minh**	Quản	47	x		2	0
40	TLSD	7L101	**Kinh tế vi mô giữa bản lý**	TLSDĐ	47	x		3	31
41	TLSD	0101018	**Giáo dục giáo viêng**	TLSDĐ	47	x		3	31
42	TLSD	0101012	**Lý luận dạy học người lớn**	TLSDĐ	47	x		3	31
43	TLSD	7L1001	**Phương ngôn các dân tộc Việt Nam trong marketing bạn**	TLSDĐ	47	x		3	0
44	TLSD	7L101	**Tâm lý lãnh đạo và quản trị thành viên viên**	TLSDĐ	47	x		3	31
45	TLSD	7L103	**Tâm lý học nhận thức**	TLSDĐ	47	x		3	0
46	Ch	M1302	**Tư tưởng Hồ Chí Minh**	Tiếng Anh	47	x		2	0
47	TLSD	0011 Khối kiến thức của nhóm ngành (NB)	Chăm sóc sức khỏe	GDM	18	x		50	0
48	TLSD	0011 Khối kiến thức của nhóm ngành (NB)	Sinh lý học và Dinh dưỡng trẻ em	GDM	18	x		50	0
49	TLSD	0012 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Tâm lý học dạy học	GDM	18	x		50	1
50	TLSD	0012 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Tâm lý học giáo dục	GDM	18	x		50	1
51	TLSD	0012 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Tâm lý học phát triển	GDM	18	x		50	1
52	TLSD	0012 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Tâm lý sư phạm mầm và Tâm lý sư phạm tiểu	GDM	18	x		50	1
53	TLSD	0V1 Khối kiến thức ngành (NB)	Thực hành Giáo dục sớm khuyết tật phát triển 1	GDM	18	x		20	0
54	CB	1. Phần kiến thức chung	Tư tưởng Hồ Chí Minh	GDM	18	x		20	0
55	CB	1. Phần kiến thức chung	Giáo dục thể chất	KT	18	x		20	0
56	Qh	0V1 Khối kiến thức ngành (NB)	Kinh tế quốc tế	KT	18	x		50	0
57	Qh	0V1 Khối kiến thức ngành (NB)	Kinh tế vi mô 1	KT	18	x		50	0
58	Qh	0V1 Khối kiến thức ngành (NB)	Kinh tế vĩ mô 1	KT	18	x		50	0
59	Qh	0E1 Khối kiến thức của nhóm ngành (NB)	Nguyên lý kế toán	KT	18	x		50	0
60	NN	0V1 Khối kiến thức ngành (NB)	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	KT	18	x		50	0
61	CB	1. Phần kiến thức chung của nhóm ngành (TC)	Giáo dục Quốc Phòng	NNA	18	x		50	0
62	NN	1. Phần kiến thức cơ sở ngành	Hán hiện ngôn ngữ	NNA	18	x		50	1
63	NN	0V1 Khối kiến thức ngành (NB)	Giữa thuyết trước vững chắng	NNA	18	x		50	1
64	NN	6. Phần kiến thức ngành	Giao tiếp liên văn hóa	NNA	18	x		50	1
65	NN	6. Phần kiến thức ngành (TC)	Học tập theo dự án	NNA	18	x		50	1
66	CB	2. Phần kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành (TC)	Lịch sử văn minh thế giới	NNA	18	x		50	1
67	TLSD	2. Phần kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	Tâm lý học đại cương	NNA	18	x		50	1
68	CB	1. Phần kiến thức cơ sở ngành	Tiếng Việt thực hành	NNA	18	x		50	1
69	CB	1. Phần kiến thức chung	Tư tưởng Hồ Chí Minh	NNA	18	x		20	0
70	NN	6. Phần kiến thức ngành	Ứng dụng CNTT trong dạy và học ngoại ngữ	NNA	18	x		50	1
71	NN	2. Phần kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành (TC)	Xã hội học đại cương	NNA	18	x		50	1
72	Qh	0E2 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Hình đồng giữ trong giáo dục	QLGD	18	x		50	1
73	CB	1. Phần kiến thức chung	Giáo ngôn sở hữu học	QLGD	18	x		20	0
74	Qh	0E2 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục	QLGD	18	x		50	1
75	Qh	0E1 Khối kiến thức của nhóm ngành (BB)	Kỹ năng soạn thảo văn bản	QLGD	18	x		50	0
76	Qh	0E2 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Lý thuyết hệ thống	QLGD	18	x		50	1
77	Qh	0V1 Khối kiến thức ngành (BB)	Quản lý hoạt động dạy học	QLGD	18	x		50	0
78	Qh	0E2 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Quản lý nhà trường vì giáo dục	QLGD	18	x		50	1
79	Qh	0E2 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Quản lý nhà trường vì lãnh đạo tổ - nhà hành	QLGD	18	x		50	1
80	Qh	0V1 Khối kiến thức ngành (BB)	Quản trị nhân lực	QLGD	18	x		50	0
81	Qh	0E2 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Văn bản tổ chức	QLGD	18	x		50	1
82	CB	1. Phần kiến thức chung	Giáo ngôn sở hữu học	QTVP	18	x		20	0
83	Qh	0V1 Khối kiến thức ngành (BB)	Kỹ năng soạn thảo văn bản	QTVP	18	x		50	0
84	Qh	0E1 Khối kiến thức thiết yếu (BB)	Phương pháp nghiên cứu khoa học	QTVP	18	x		50	0
85	Qh	0E1 Khối kiến thức của nhóm ngành (BB)	Quản lý văn thư, dữ	QTVP	18	x		50	0
86	Qh	0V1 Khối kiến thức ngành (BB)	Quản trị cơ sở vật chất	QTVP	18	x		50	0
87	NA	1. Phần kiến thức chung	Tiếng Anh 2	QTVP	18	x		50	0
88	TLSD	0E2 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Các lý thuyết phát triển thanh niên	TLSDĐ	18	x		50	1
89	TLSD	0E2 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Giáo dục hoà nhập	TLSDĐ	18	x		50	1
90	TLSD	0V1 Khối kiến thức ngành (BB)	Phương pháp nghiên cứu thiết kế học	TLSDĐ	18	x		50	0
91	TLSD	0E2 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Tâm lý học giáo dục	TLSDĐ	18	x		50	1
92	TLSD	0E2 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Tâm lý học giới tính	TLSDĐ	18	x		50	1
93	TLSD	0V1 Khối kiến thức ngành (BB)	Tâm lý học lứa tuổi	TLSDĐ	18	x		50	0
94	TLSD	0V1 Khối kiến thức ngành (BB)	Tâm lý học nhận thức	TLSDĐ	18	x		50	0
95	TLSD	0E1 Khối kiến thức của nhóm ngành (BB)	Tổ chức xã hội	TLSDĐ	18	x		50	0
96	CB	1. Phần kiến thức chung	Tư tưởng Hồ Chí Minh	TLSDĐ	18	x		20	0
97	CNTT&TT	5. Phần kiến thức cơ sở ngành	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	CNTT	19		x	50	0
98	CNTT&TT	5. Phần kiến thức cơ sở ngành	Cơ sở dữ liệu	CNTT	19		x	50	0
99	CB	1. Phần kiến thức chung	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CNTT	19		x	50	0
100	CNTT&TT	0E2 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Lập trình hướng đối tượng với C#	CNTT	19		x	50	0
101	CNTT&TT	5. Phần kiến thức cơ sở ngành	Lập trình hướng đối tượng với C++	CNTT	19		x	50	0
102	CNTT&TT	0E2 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Lập trình hướng đối tượng với Java	CNTT	19		x	50	0
103	NN	1. Phần kiến thức chung	Tiếng Anh 2	CNTT	19		x	50	0
104	CNTT&TT	2. Phần kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	Toán cao cấp 2	CNTT	19		x	40	0
105	CB	0L2 Khối kiến thức theo lĩnh vực (TC)	Cơ sở văn hóa Việt Nam	GDM	19		x	50	1
106	TLSD	0E1 Khối kiến thức của nhóm ngành (BB)	Đại cương về Giáo dục đặc biệt	GDM	19		x	50	0
107	TLSD	0L2 Khối kiến thức theo lĩnh vực (TC)	Đầu vô và phát triển	GDM	19		x	50	1
108	CB	1. Phần kiến thức chung	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	GDM	19		x	50	0
109	CB	0L2 Khối kiến thức theo lĩnh vực (TC)	Logic học	GDM	19		x	50	1
110	TLSD	0E1 Khối kiến thức của nhóm ngành (BB)	Các bệnh thông thường	GDM	19		x	50	0
111	TLSD	0E1 Khối kiến thức của nhóm ngành (BB)	Các bệnh mắt, Mắt	GDM	19		x	50	0
112	TLSD	0L2 Khối kiến thức theo lĩnh vực (TC)	Môi trường và con người	GDM	19		x	50	1
113	TLSD	0E1 Khối kiến thức của nhóm ngành (BB)	Sinh lý bình thường	GDM	19		x	50	0
114	Qh	0E1 Khối kiến thức của nhóm ngành (BB)	Nguyên lý thống kê kinh tế	KT	19		x	50	0
115	Qh	0E1 Khối kiến thức của nhóm ngành (BB)	Pháp luật kinh tế	KT	19		x	50	0
116	Qh	0E1 Khối kiến thức của nhóm ngành (BB)	Quản lý nhà nước về kinh tế - nhà hành	KT	19		x	50	0
117	NA	1. Phần kiến thức chung	Tiếng Anh 3	KT	19		x	50	0
118	CNTT&TT	1. Phần kiến thức chung	Tin học cơ sở 2 (Word CNTT 1)	KT	19		x	50	0
119	CB	1. Phần kiến thức chung	Triết học Mác - Lênin	KT	19		x	50	0
120	NN	6. Phần kiến thức ngành	Hoa 2	NNA	19		x	50	0
121	CB	1. Phần kiến thức chung	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	NNA	19		x	50	0
122	NN	6. Phần kiến thức ngành	Nghe 2	NNA	19		x	50	0
123	NN	2. Phần kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành	Ngữ pháp tiếng Anh	NNA	19		x	50	0
124	NN	6. Phần kiến thức ngành	Nói 2	NNA	19		x	50	0
125	CB	1. Phần kiến thức chung	Triết học Mác - Lênin	NNA	19		x	50	0
126	NN	6. Phần kiến thức ngành	Viết 2	NNA	19		x	50	0
127	CB	0L2 Khối kiến thức theo lĩnh vực (TC)	Cơ sở văn hóa Việt Nam	QLGD	19		x	50	1
128	CB	0L2 Khối kiến thức theo lĩnh vực (TC)	Logic học	QLGD	19		x	50	1
129	Qh	0E1 Khối kiến thức của nhóm ngành (BB)	Marketing căn bản	QLGD	19		x	50	0
130	Qh	0L1 Khối kiến thức theo lĩnh vực (BB)	Phương pháp nghiên cứu khoa học	QLGD	19		x	50	0
131	Qh	0V1 Khối kiến thức ngành (BB)	Tâm lý học quản lý	QLGD	19		x	50	0
132	Qh	0L1 Khối kiến thức theo lĩnh vực (BB)	Thống kê trong khoa học xã hội	QLGD	19		x	50	0
133	NA	1. Phần kiến thức chung	Tiếng Anh 2	QLGD	19		x	50	0
134	CB	1. Phần kiến thức chung	Triết học Mác - Lênin	QLGD	19		x	50	0
135	Qh	0L2 Khối kiến thức theo lĩnh vực (TC)	Xã hội học đại cương	QLGD	19		x	50	1
136	Qh	0E1 Khối kiến thức của nhóm ngành (BB)	Hành vi tổ chức	QTVP	19		x	50	0
137	Qh	0E2 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Luật Hành chính	QTVP	19		x	50	1
138	Qh	0E2 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Luật Lao động	QTVP	19		x	50	1
139	Qh	0E2 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Lý thuyết hệ thống	QTVP	19		x	50	1
140	TLSD	0E2 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Tâm lý học quản lý	QTVP	19		x	50	1
141	Qh	0L1 Khối kiến thức theo lĩnh vực (BB)	Thống kê trong khoa học xã hội	QTVP	19		x	50	0
142	NA	1. Phần kiến thức chung	Tiếng Anh 3	QTVP	19		x	50	0
143	CB	1. Phần kiến thức chung	Triết học Mác - Lênin	QTVP	19		x	50	0
144	Qh	0E2 Khối kiến thức của nhóm ngành (TC)	Văn bản tổ chức	QTVP	19		x	50	1
145	CB	0L2 Khối kiến thức theo lĩnh vực (TC)	Cơ sở văn hóa Việt Nam	TLSDĐ	19		x	50	1
146	CB	0L2 Khối kiến thức theo lĩnh vực (TC)	Hoạt động giáo dục và tôn giáo	TLSDĐ	19		x	50	1
147	CB	1. Phần kiến thức chung	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLSDĐ	19		x	20	0
148	TLSD	0E1 Khối kiến thức của nhóm ngành (BB)	Lịch sử tiểu lý học	TLSDĐ	19		x	50	0
149	TLSD	0L2 Khối kiến thức theo lĩnh vực (TC)	Môi trường và con người	TLSDĐ	19		x	50	1
150	TLSD	0V1 Khối kiến thức ngành (BB)	Pháp luật đại cương	TLSDĐ	19		x	50	0
151	TLSD	0L1 Khối kiến thức theo lĩnh vực (BB)	Phương pháp nghiên cứu khoa học	TLSDĐ	19		x	50	0
152	TLSD	0E1 Khối kiến thức của nhóm ngành (BB)	Tâm lý học phát triển	TLSDĐ	19		x	50	0
153	TLSD	0E1 Khối kiến thức của nhóm ngành (BB)	Xã hội học đại cương	TLSDĐ	19		x	50	0
154	CB		Chăm sóc sức khỏe, Dinh dưỡng						
155	CB		Chăm sóc sức khỏe, Sinh lý						
156	CB		Chăm sóc sức khỏe, Vệ Sinh						
157	CB		Chăm sóc sức khỏe, Y tế công						